

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 5 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Xuân Mai

Ông Đặng Tiến Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Quốc Thị Toàn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Tham gia phiên tòa ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 26/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị V

CMTND số: 063345896, cấp ngày 26/10/2012 tại Công an tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai;

Bị đơn: Anh Vũ Xuân Đ; Quốc tịch Việt Nam

Số hộ chiếu N1722081 do cơ quan cấp hộ chiếu là Đại sứ quán (ĐSQ) Việt Nam tại Malaysia.

Địa chỉ: NO 14, JALAN KOTA PUTRI, TAMAN PERINDUSTRIAN KOTA PUTRI 1, 81750 MASAI, JOHOR, MALAYSIA

Nguyên quán; Đội 2 thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa theo quy định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản khai gửi đến, nguyên đơn trình bày:

Chị Lò Thị V và anh Vũ Xuân Đ yêu nhau do cùng đi xuất khẩu lao động tại Malaysia, khi có thai chị cùng anh Đ về Việt Nam tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2012 tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau tại nhà bố mẹ anh Đ tại Thôn P, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái được khoảng hơn 01 tháng; Đến đầu năm 2013 anh Đ quay lại Malaysia làm việc. Chị ở lại sinh con Vũ Minh V và sống cùng gia đình bà Dương Thị L(mẹ chồng) được 07 tháng thì chị V gửi con cho bà L mẹ chồng về nhà bố mẹ đẻ tại xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai sống và thi thoảng có về thăm cháu V; Cũng từ năm đó đến năm 2014 anh Đ về thăm chị 01 lần, năm 2017 anh về nước nhưng không gặp chị, cũng không gửi tiền nuôi con và không thăm hỏi quan tâm gì đến chị nữa. Do chị phải đi làm ăn ở quê nên năm 2015 khi chị quay về đón con thì gia đình bà L là mẹ chồng không cho ở và cũng không cho đón cháu V. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ do đi lao động ở nước ngoài quá xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn, ai biết bổn phận người đó đã gần 10 năm nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị và anh Đ có một con chung là cháu Vũ Minh V sinh ngày 10/12/2012, chị V có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu V đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng. Tại đơn bổ sung ngày 18/01/2022 chị V đề nghị do cháu đã 10 tuổi, từ nhỏ đến nay vẫn ở với bà L, nếu cháu có nguyện vọng ở với anh Đ và (bà nội) chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Về tài sản và nghĩa vụ công nợ chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có tài sản chung và không nợ ai.

Bị đơn anh Vũ Xuân Đ bản khai gửi đến thừa nhận đã nhận được thông báo thụ lý và yêu cầu giao nộp chứng cứ của Tòa án; Về tình cảm anh chị có kết hôn sống xa nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng như chị V trình bày là đúng, do tuổi vợ chồng còn trẻ nhưng sống sa nhau đã lâu nên không còn hạnh phúc, ai biết bổn phận người đó kể cả kinh tế. Nay chị V xin ly hôn anh nhất trí để hai bên có điều kiện lập gia đình mới nên cho anh ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Về con chung: Như chị V trình bày là đúng chỉ có một cháu Vũ Minh V sinh ngày 10/12/2012, nay ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng cháu V đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con; Lý do khi cháu chưa được 01 tuổi chị V để con cho bố mẹ anh nuôi dưỡng, nay cháu đã lớn 10 tuổi, biết nhận thức và điện thoại xin được ở với bố, anh vẫn gửi tiền về cho mẹ anh nuôi cháu và hiện nay cháu đang học ở trường dân tộc bán trú của xã C, huyện V nên anh Đ xin được nuôi cháu; Các vấn đề khác anh không yêu cầu giải quyết như ý kiến của chị V; (kèm theo anh Đ gửi đến Tòa án xác nhận về bảng lương hàng tháng với mức 20.000 000đ/tháng; Sổ hộ chiếu, bản tự khai có xác nhận cơ quan quản lý lao động) để chứng minh. Đồng thời anh có đơn đề

ngiht do đang lao động ở nước ngoài tại MaLaysia không thể về được nên xin vắng mặt không hòa giải và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa qua tranh tụng nêu ý kiến về quan điểm vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúngthẩm quyền; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng trình tự quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án; Qua các tài liệu do các bên cung cấp hai bên đều thừa nhận do vợ chồng mỗi người ở một nước đã lâu nên vợ chồng không còn hạnh phúc, đều có nguyện vọng xin được ly hôn; Vụ án không hòa giải được, anh Đ và chị V đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thẩm quyền quy định, cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Do cháu V ở với bố mẹ anh Đ từ khi còn bé, tiền thu nhập 20.000 00đ/tháng gửi về có điều kiện nuôi con. Nhưng do anh Đ đang lao động ở Malaisia không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Chị V chứng minh có mức thu nhập từ 4.000.000đ đến 6.000.000 đồng/tháng không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên cần giao cháu V cho chị V nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp; Các vấn đề khác không có yêu cầu nên không giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét đầy đủ, toàn diện tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và yêu cầu của các bên gửi đến, Hội đồng xét xử nhận định:

Về trình tự tố tụng và thẩm quyền: Việc xét xử vụ án “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa chị Lù Thị V và anh Vũ Xuân Đ. Do anh Đ vắng mặt, đang lao động ở MaLaysia không về được và có đơn xin vắng mặt trong tất cả giai đoạn tố tụng tại Tòa án. Tuy nhiên các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý đều được Tòa án thông báo, gửi tổng đạt hợp lệ cho các bên theo quy định tại điểm Điều 474; 475 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trước ngày mở phiên Tòa anh Đ và chị V đều có đơn đồng ý ly hôn và xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 1, điểm, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Các tài liệu do nguyên đơn, bị đơn giao nộp và Tòa án thu thập được có trong hồ sơ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa thấy rằng; Chị Lù Thị V và anh Vũ Xuân Đ quen và yêu nhau từ khi đi lao

động ở MaLaysia, tự nguyện về nước đăng ký kết hôn ngày 02/11/2012 tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống bên nhau tại nhà bố mẹ anh Đ được khoảng hơn 01 tháng, đến đầu năm 2013 anh Đ quay lại MaLaysia làm việc và thừa nhận do địa giới quá xa nên từ khi chị V mang thai và sinh cháu V anh không về nước thăm chị được (ngoài 01 lần về nước gặp chị vào năm 2014); Cũng từ lý do đó khi sinh cháu được 07 tháng thì chị V gửi con nhà mẹ chồng về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã L, huyện M ở cho đến nay. Các bên đều thừa nhận do xa nhau quá lâu nên vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm trách nhiệm gì với nhau cho đến nay là trên 08 năm. Như vậy để tạo điều kiện cho các bên ổn định cuộc sống lâu dài, cần chấp nhận đề nghị của các bên xử cho chị V được ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị chỉ có một con chung là cháu Vũ Minh V sinh ngày 10/12/2012 chị V thừa nhận giai đoạn anh Vũ Xuân Đ ở MaLaysia chị mang thai, khi chị sinh cháu V được 07 tháng tuổi. Chị gửi lại con cho bố mẹ chồng là bà L nuôi giúp, chị về quê ở huyện M làm việc, thi thoảng có về thăm cháu nhưng đến năm 2015 chị V về thì gia đình nhà chồng (bà L) không cho ở cùng và không cho đón cháu V; Do vậy cháu V phải ở với bà L từ đó cho đến nay, mọi chi phí đóng góp nuôi cháu là do anh Đ gửi về nhưng đây là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay cháu có nguyện vọng ở với bố và đang theo học lớp 4 trường dân tộc bán trú số 2 xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Song do thực tế hiện nay anh Đ không có nhà, bà L là bà nội chưa đủ điều kiện là người giám hộ do mẹ cháu là chị V vẫn ở gần có đủ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm được nuôi con theo quy định tại Điều 81; 82 Luật Hôn nhân gia đình. Do vậy, xét yêu cầu của chị V cần chấp nhận giao cháu V cho chị V được quyền nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi; Chị V chứng minh có mức thu nhập trên 6.000.000đ/tháng nên chấp nhận đề nghị của chị không yêu cầu anh Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

Về ý kiến đề nghị nuôi cháu V của anh Đ tuy có điều kiện kinh tế nhưng do ở nước ngoài, không có điều kiện trực tiếp nuôi, giáo dục con, nên đề nghị này được xem xét khi anh Đ về nước có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con, nếu cháu V chưa đủ 18 tuổi có nguyện vọng nuôi con thì các bên được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình nếu có căn cứ chứng minh điều kiện được nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản và nghĩa vụ thanh toán công nợ: Chị Lù Thị V và anh Vũ Xuân Đ đều không có yêu cầu và xác định không có nợ nghĩa vụ thanh toán với ai; Việc chi phí tố tụng (Ủy thác) chứng thực bản dịch chị V xin tự chịu không yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; điểm

c khoản 1 Điều 40; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Lò Thị V được ly hôn với anh Vũ Xuân Đ.

2. Về con: Giao cháu Vũ Minh V sinh ngày 10/12/2012 cho chị Lò Thị V chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Xuân Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Lò Thị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000111 ngày 05/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, xác nhận chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Vũ Xuân Đ không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn do vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định của pháp luật Việt Nam, án xét xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (02);
- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các bên đương sự;
- UBND xã C và UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài